Biểu mẫu 11

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh
Trường THCS – THPT Nguyễn Khuyến

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông

Năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	34	1,4m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	34	-
2	Phòng học bán kiên cố	-	-
3	Phòng học tạm	-	-
4	Phòng học nhờ	-	-
5	Số phòng học bộ môn	5	1,20m^2/HS
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	4	0,07m^2/HS
7	Bình quân lớp/phòng học	-	1 lớp/1 phòng
8	Bình quân học sinh/lớp	-	44 HS/ lớp
III	**Số điểm trường**	1	
IV	**Tổng số diện tích đất** (m^2)	8703m^2	5,8m^2/HS
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	2400m^2	1,62m2/HS
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	3.150m^2	-
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	600m^2	-
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m^2)	-	-
3	Diện tích thư viện (m^2)	150m^2	-
4	Diện tích hồ bơi	526m^2	-
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	**725**	
1	Khối lớp 6		
2	Khối lớp 7		
3	Khối lớp 8		
4	Khối lớp 9		
5	Khối lớp 10	90	9 bộ/lớp
6	Khối lớp 11	60	6 bộ/lớp
7	Khối lớp 12	84	6 bộ/lớp
8	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	-	
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	52	28 học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	13	
2	Cát sét	8	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	15	
5	Thiết bị khác…	4	

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	Nhà bếp	180m^2
XI	Nhà ăn	532m^2

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	4 phòng 236m^2	288 chỗ	0,8m^2
XIII	Khu nội trú	2.700m^2	1140	2,36m^2/chỗ

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6 khu vực nam/6 khu vực nữ.		8 khu vực nam/ 8 khu vực nữ		0.35 m^2/ học sinh
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		0

*(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)*

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN KHUYẾN

HOÀNG THÁI DƯƠNG

Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh
Trường THCS – THPT Nguyễn Khuyến

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông

Năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**2830**					865	859	1106
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**99.96**					100	99.88	100
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**0.04**						0.12	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)								
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)								
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**2830**					865	859	1106
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**72.16**					66.71	52.85	94.41
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**26.36**					31.33	44.24	8.59
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	**1.48**					1.97	2.91	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)								
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)								
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**2830**					865	859	1106
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	**100**	100	100	100	100	100	100	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	**72.16**					66.71	52.85	94.41
b	Học sinh tiên tiến	**26.36**					31.33	44.24	8.59

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	(tỷ lệ so với tổng số)								
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)								
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)								
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)								
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)								
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)								
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**	**28**							28
1	Cấp tỉnh/thành phố	**28**							28
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế								
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	**1106**							1106
1	Số học sinh dự xét tốt nghiệp THCS								
2	Số học sinh dự thi tốt nghiệp THPT	**1106**							1106
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	**1106**							1106
1	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS**								
a	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)								
b	Khá (tỷ lệ so với tổng số)								
c	Trung bình (tỷ lệ so với tổng								

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	số)								
2	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp THPT**	**1106**							1106
a	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)								
b	Khá (tỷ lệ so với tổng số)								
c	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)								
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập** (tỷ lệ so với tổng số)	**100**							100
VIII	**Số học sinh thi đỗ đại học** (tỷ lệ so với tổng số)	**100**							100
IX	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	**1534/1296**					479/386	452/407	603/503
X	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	**38**					10	11	17

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN KHUYẾN

HOÀNG THÁI DƯƠNG

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh
Trường THCS – THPT Nguyễn Khuyến

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
Năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp						
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Điều kiện tuyển sinh**	Năm học 2021-2022 chỉ tuyển sinh khối 10 với điều kiện học sinh có xếp loại học lực và hạnh kiểm từ khá trở lên, có đủ hồ sơ hợp lệ.						
II	**Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ**	Chương trình cơ bản, có nâng cao Toán Lí Hóa của Bộ Giáo dục Đào tạo						
III	**Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.**	Nhà trường, gia đình, xã hội phối hợp chặt chẽ trong việc giáo dục học sinh						
	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Học sinh có quyết tâm tự giác rèn luyện và học tập						
IV	**Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)**	Đủ cho mỗi lớp có một phòng học riêng để học 2 buổi/ ngày. Đủ phòng thí nghiệm, phòng máy tính, đồ dùng dạy học, thư viện, phòng giáo án điện tử, sân tập thể dục và GDQP ... theo quy định của Bộ GDĐT.						
V	**Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục**	Học sinh tham gia các hoạt động của Đoàn – Đội; sinh hoạt các câu lạc bộ học thuật và câu lạc bộ thể thao; tham gia các đợt tham quan dã ngoại; giáo dục ngoài giờ lên lớp thường xuyên trong tiết chào cờ; giáo dục kỹ năng sống được đưa vào chính khóa của bộ môn GDCD; giáo dục hướng nghiệp được tư vấn từ lớp 10 đến khi làm hồ sơ để tuyển sinh vào trường đại học.						
VI	**Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục**	Nhà trường có đầy đủ giáo viên các bộ môn với tỷ lệ cơ hữu 80%, bao gồm các giáo viên có kinh nghiệm đã gắn bó với trường từ 10 năm trở lên. Tất cả giáo viên, cán bộ quản lý đều được đào tạo chính quy. Nhà trường thực hiện phân cấp quản lý và chịu trách nhiệm theo chức danh.						
VII	**Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được**	Đối với học sinh THPT, sau 3 năm học đều có hạnh kiểm tốt, sức khỏe tốt, học lực từ khá trở lên, dự thi tốt nghiệp THPT đậu 100%.						

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp						
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
VIII	**Khả năng học tập tiếp tục của học sinh**	Học sinh tốt nghiệp THPT 100%; đủ khả năng xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng với tỷ lệ trúng tuyển từ 100%.						

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN KHUYẾN

HOÀNG THÁI DƯƠNG

Biểu mẫu 12

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh
Trường THCS – THPT Nguyễn Khuyến

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục phổ thông

Năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước NĐ 116 và tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	266		266	2	21	175	2	66		
I	Giáo viên	99		99		19	81				
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1	Ngữ văn	7		7		1	6				
2	Toán	22		22		3	19				
3	Vật lý	15		15		3	12				
4	Hóa học	13		13	1	4	8				
5	Sinh học	6		6		0	6				
6	Lịch sử	3		3		2	1				
7	Địa lý	4		4	1	1	2				
8	Anh văn	12		12		4	8				
9	GDCD, Kỹ năng, Nhạc-Họa	3		3		1	2				

10	Tin học	4		4		0	4				
11	Công nghệ	2		2		0	2				
12	Thể dục	6		6		0	6				
13	GDQP	2		2		0	2				
II	Cán bộ quản lý	3		3							
1	Hiệu trưởng	1		1			1				
2	Phó hiệu trưởng	2		2		1	1				
III	Nhân viên	167	0	167	0	2	97	2	66	0	0
1	Ban Giám hiệu	3		3		1	2				
2	Tổng quản nhiệm	1		1			1				
3	Văn phòng – Kế toán – Thủ quỹ	6		6			4		2		
4	Học vụ	10		10			7		3		
5	Nhân sự - Nghiệp vụ	3		3		1	2				
6	Y tế	2		2			0		2		
7	QNBT	34		34			34				
8	QNNT	46		46			44	2			
9	Trợ lý TN	1		1			1				
10	Giám thị	2		2			1		1		
11	Bảo vệ	11		11			1		10		
12	Vệ sinh	14		14					14		
13	Nhà ăn – Căn tin	33		33					33		
14	Văn thư	1		1					1		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN KHUYẾN

HOÀNG THÁI DƯƠNG